

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2020/HS-ST
Ngày 24-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông H Văn Năm

Ông Bùi Xuân Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Dương Việt Khái - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23, 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm (xử kín) vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

- Họ tên: Trương Văn N, sinh năm 1999 tại Cà Mau; Nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trương Văn Tr, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Kiều Kh, sinh năm 1980; Vợ chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân tốt; bị cáo đang được tại ngoại và cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/7/2020 đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trương Văn N: Bà Võ Bé Năm – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị hại: Cháu Nguyễn Thị Như H, sinh ngày 20/02/2006 (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1980 (cha mẹ của H).

Cùng địa chỉ: Ấp 12, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (ông H có mặt, bà L xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Ông Sử Chí Hiếu – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1980 (cha mẹ của H).

Cùng địa chỉ: Ấp 12, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (ông H có mặt, bà L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05 tháng 6 năm 2020, H đến nhà dì ruột tên Nguyễn Thị Th ở ấp T, xã P, huyện T chơi. Nguyễn Văn Th và H là bạn bè quen biết với nhau từ trước, ngày 11 tháng 6 năm 2020, Th rủ H đến nhà của T (ở cùng xóm) nhậu, trong lúc nhậu có Trương Văn N nên H và N quen biết với nhau.

Ngày 13 tháng 6 năm 2020, do thấy H đăng tin trên mạng xã hội Facebook nên Th nhắn tin rủ H nhậu thì H đồng ý. Khoảng 20 giờ cùng ngày, Th kêu N điều khiển xe đến rước H đến nhà của bà Trương Kim C (cô ruột của N) để nhậu. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, H, N và Th uống hết khoảng $\frac{1}{2}$ lít rượu thì Th ra văng phía trước hàng ba nhà bà C nằm ngủ còn N và H ngồi nhậu tiếp và nói chuyện tình cảm với nhau. Khoảng 23 giờ cùng ngày, N dùng tay sờ mặt H nói “anh thương em quá, chuyện gì anh làm anh chịu trách nhiệm”, N mở cửa trước nhà bà C cho H vào phòng nằm ngủ, N lên giường nằm ôm hôn vào má và dùng tay sờ ngực H thì H đẩy tay N ra, N tiếp tục sờ thì H không còn phản ứng gì, N tiếp tục sờ vào bộ phận sinh dục và cởi quần áo của H, của N ra và N quan hệ tình dục với H khoảng 06 phút thì xuất tinh. Sau khi quan hệ tình dục xong, H dùng miệng cắn vào má phải của N nói “anh nói chịu trách nhiệm thì phải giữ lời nếu không em méo gia đình”, N và H không mặc quần áo mà ôm nhau ngủ, ngủ được một lúc thì H thức dậy mặc áo vào đi vệ sinh rồi quay lại ngủ chung với N.

Khoảng 05 giờ ngày 14/6/2020, N chở H về nhà bà Th, do phát hiện H trong đêm đi chơi không về nhà nên bà Th điện thoại báo cho Nguyễn Việt H (cha ruột H) và kêu ông H chở H về nhà bà Nguyễn Thị H (bà ngoại H) ở ấp Đường Cày, xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau và ông H giữ điện thoại của H không cho H và N liên lạc với nhau. Khoảng 19 giờ ngày 15/6/2020, H phát hiện Th và N đến tìm H nói chuyện, ông H đánh N và dọa báo công an nên N và Th ra về. Khoảng 21 giờ cùng ngày, H vào ngủ chung với Nguyễn Sa R (chị 01 mẹ khác cha với H),

H lấy điện thoại của Sa R nhắn tin qua mạng xã hội Facebook với N và hẹn với N ngày 16/6/2020 trốn khỏi nhà bà H để đi chơi.

Khoảng 06 giờ ngày 16/6/2020, ông H phát hiện H trốn nhà đi chơi nên đi tìm và trình báo với chính quyền địa phương. Khoảng 15 giờ cùng ngày, N chở H về tới ấp Tân Phong, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Tại đây, khi được gia đình hỏi thì N và H thừa nhận đã quan hệ tình dục với nhau 01 lần vào đêm ngày 13/6/2020 tại nhà của bà Trương Kim C.

Vật chứng của vụ án thu giữ: Ngày 17, 18, 19, 22/6/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Trần Văn Thời thu: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu hột gà, không có gắn sim; 01 quần dài nữ loại Jean màu xanh; 01 áo thun nữ cụt tay màu trắng hai bên có dây kéo; 01 áo thun nữ có bầu cụt tay, nền áo màu vàng có sọc màu đen; 01 áo sơ mi màu xám dài tay, có sọc trắng; 01 cái quần lót màu xanh nhạt, tím; 01 cái áo ngực màu trắng; tiền Việt Nam 5.000.000 đồng. Vật chứng hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời đang quản lý.

Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 31/TD-20 ngày 24/6/2020 của Trung tâm pháp y thuộc sở y tế tỉnh Cà Mau, kết luận đối với Nguyễn Thị Như H như sau:

Bộ phận sinh dục ngoài không tổn thương, màng trinh: Dạng vòng; rách mới vị trí 7 giờ, không xác định được thời gian rách màng trinh.

Tại bản cáo trạng số: 71/CT-VKS ngày 02 tháng 8 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau truy tố đối với bị cáo Trương Văn N về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại khoản 1 Điều 145 của Bộ luật Hình sự.

** Tại phiên tòa:*

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 145; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Văn N từ 01 năm đến 02 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 592 của Bộ luật Dân sự buộc bị cáo N bồi thường với số tiền như sau:

- Tiền danh dự nhân phẩm, tổn thất tinh thần là 10 tháng lương x 1.490.000 đồng = 14.900.000 đồng.

- Tiền mất thu nhập của ông H, bà L, cháu H là 12 ngày x 250.000 đồng/ngày x 03 người = 9.000.000 đồng.

- Tiền xe đi lại làm việc với cơ quan tiến hành tố tụng, đi giám định và tiền thuốc là 2.000.000 đồng.

Tổng số tiền bồi thường được chấp nhận là 25.900.000 đồng, đối trừ 5.000.000 đồng bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả nên buộc bị cáo bồi thường tiếp là 20.900.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả lại cho bị cáo N 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu hột gà, không có gắn sim. Tịch thu tiêu hủy: 01 quần dài nữ loại Jean màu xanh; 01 áo thun nữ cụt tay màu trắng hai bên có dây kéo; 01 áo thun nữ có bầu cụt tay, nền áo màu vàng có sọc màu đen; 01 áo sơ mi màu xám dài tay, có sọc trắng; 01 cái quần lót màu xanh nhạt, tím; 01 cái áo ngực màu trắng.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Bị cáo N thống nhất với nội dung bản cáo trạng, bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo có nộp khắc phục hậu quả với số tiền 5.000.000 đồng, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và mức bồi thường vì gia đình thuộc hộ cận nghèo.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất với đề nghị của Kiểm sát về tội danh và hình phạt nhưng xin được hưởng án treo theo quy định tại khoản 1 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, do bị cáo đã ăn năn, hối cải, thành khẩn khai báo, khắc phục một phần hậu quả, gia đình thuộc hộ cận nghèo mà bị cáo là lao động chính trong gia đình; Về trách nhiệm dân sự chấp nhận bồi thường như sau:

- Tiền danh dự nhân phẩm, tổn thất tinh thần bị cáo tự nguyện chịu là 08 tháng lương x 1.490.000 đồng = 11.920.000 đồng.

- Tiền mất thu nhập của ông H, bà L (không chấp nhận cháu H) là 12 ngày x 200.000 đồng/ngày x 02 người = 4.800.000 đồng.

- Tiền xe đi lại làm việc với cơ quan tiến hành tố tụng, đi giám định và tiền thuốc là 2.000.000 đồng.

Tổng số tiền bồi thường là 18.720.000 đồng, đối trừ 5.000.000 đồng bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả nên bị cáo đồng ý bồi thường tiếp là 13.720.000 đồng. Về vật chứng thì xin được nhận lại 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu hột gà, không có gắn sim.

- Người đại diện theo pháp luật của bị hại H là ông H yêu cầu bị cáo N bồi thường tiền danh dự nhân phẩm và tiền tổn thất tinh thần cho H là 30.000.000 đồng, tiền thuê xe đi giám định và tiền thuốc là 2.000.000 đồng, tiền mất thu nhập của ông H 300.000 đồng/ngày, bà L 200.000 đồng/ngày và H 200.000 đồng/ngày, thời gian mất thu nhập của 03 người là 01 tháng (30 ngày) là 21.000.000 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu bồi thường là 53.000.000 đồng. Ông H thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại ông Sủ Chí Hiếu thống nhất với đề nghị, quan điểm tranh luận của Kiểm sát viên, tuy nhiên ông Hiếu yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét phần thời gian mất thu nhập của gia đình ông H và chấp nhận yêu cầu của ông H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên: Ông H và bà L yêu cầu bị cáo N bồi thường tiền tổn thất tinh thần với số tiền 30.000.000 đồng, nhưng xét thấy bị cáo N là hộ cận nghèo nên ông H và bà L đã thỏa thuận với nhau là không yêu cầu nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trần Văn Thời, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo N tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ ngày 13/6/2020 tại nhà của bà Trương Kim C thuộc ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau, sau khi Th, N và H nhậu xong, do N có mối quan hệ tình cảm với H và được sự đồng ý của H nên Trương Văn N đã thành niên quan hệ tình dục với H 01 lần, khi H mới 14 tuổi 03 tháng 23 ngày tuổi. Việc N và H có quan hệ tình dục với nhau vào ngày 13/6/2020 tại nhà của bà C đều do N và H thừa nhận. Như vậy, hành vi của bị cáo N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại khoản 1 Điều 145 của Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng số: 71/CT-VKS ngày 02 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời truy tố đối với bị cáo Trương Văn N là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét hành vi của bị cáo N là vi phạm nghiêm trọng pháp luật hình sự; trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và sự phát triển bình thường về thể chất cũng như tinh thần đối với cháu H là người chưa thành niên được pháp luật bảo vệ, đồng thời, ảnh hưởng không tốt đến giá trị đạo đức, thuần phong mỹ tục trong cộng đồng. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ nhận thức và biết rõ quan hệ (giao cấu) với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi là vi phạm pháp luật, nhưng vì ham muốn dục vọng của bản thân mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, đạo đức lối sống nên đã cố ý thực hiện hành vi giao cấu với cháu H, khi cháu H mới 14 tuổi 03 tháng 23 ngày. Do đó, với hành vi và mức độ thực hiện hành vi của bị cáo, cần phải có hình phạt để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và đảm bảo tính răn đe của pháp luật.

Tuy nhiên, khi lượng hình, Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nộp tiền để khắc phục một phần hậu quả, gia đình thuộc hộ cận nghèo, chưa có tiền án, tiền sự. Do đó, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện bị hại yêu cầu bị cáo N bồi thường tiền danh dự nhân phẩm và tiền tổn thất tinh thần cho H là 30.000.000 đồng, tiền thuê xe đi giám định và tiền thuốc là 2.000.000 đồng, tiền mất thu nhập của ông H 300.000 đồng/ngày, bà L 200.000 đồng/ngày và H 200.000 đồng/ngày, thời gian mất thu nhập của 03 người 01 tháng (30 ngày) là 21.000.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu bị cáo bồi thường là 53.000.000 đồng. Xét thấy, bị cáo N đã thành niên quan hệ tình dục với H, khi H mới 14 tuổi 03 tháng 23 ngày là người chưa thành niên nên đã làm ảnh hưởng đến danh dự nhân phẩm và gây tổn thất tinh thần cho H, cho nên phía bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường là có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường như sau: Đối với yêu cầu bồi thường tiền danh dự nhân phẩm và tiền tổn thất tinh thần cho H là 30.000.000 đồng, nhận thấy, sau khi bị cáo N quan hệ tình dục với H thì H không bị ảnh hưởng hay bị giảm xúc về mặt tinh thần mà sau đó H còn chủ động nhắn tin cho N rủ N chở đi chơi, tại phiên tòa bị cáo N tự nguyện bồi thường 08 tháng lương x 1.490.000 đồng = 11.920.000 đồng nên được chấp nhận. Đối với khoảng tiền mất thu nhập của ông H, bà L, cháu H là 12 ngày x 250.000 đồng/ngày x 03 người = 9.000.000 đồng và tiền xe đi lại làm việc với cơ quan tiến hành tố tụng, đi giám định và tiền thuốc là 2.000.000 đồng theo đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ

sở nên chấp nhận. Như vậy, buộc bị cáo N phải bồi thường thiệt hại cho bị hại với tổng số tiền là 22.920.000 đồng, trừ 5.000.000 đồng bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả nên bị cáo phải bồi thường tiếp là 17.920.000 đồng.

Kể từ ngày bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bị cáo N chậm bồi thường số tiền nêu trên, thì hàng tháng bị cáo N còn phải chịu thêm lãi suất chậm thanh toán đối với số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Trả lại cho bị cáo N 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu hột gà, không có gắn sim, do không liên quan đến tội phạm. Tịch thu tiêu hủy: 01 quần dài nữ loại Jean màu xanh; 01 áo thun nữ cụt tay màu trắng hai bên có dây kéo; 01 áo thun nữ có bầu cụt tay, nền áo màu vàng có sọc màu đen; 01 áo sơ mi màu xám dài tay, có sọc trắng; 01 cái quần lót màu xanh nhạt, tím; 01 cái áo ngực màu trắng, do không còn giá trị sử dụng.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Vật chứng của vụ án hiện nay do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời đang tạm giữ, theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05 tháng 8 năm 2020 (bút lục số 193).

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c, g khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo N phải chịu nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật, bị cáo không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền đã tự nguyện bồi thường là 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự nên bị cáo được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quyền kháng cáo: Bị cáo và những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ vào:* khoản 1 Điều 145; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 468, Điều 584, 585, 586, 592 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trương Văn N phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trương Văn N 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Tiếp tục cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo N kể từ ngày tuyên án cho đến khi đi chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo N phải bồi thường thiệt hại cho bị hại với tổng số tiền là 22.920.000 đồng, trừ 5.000.000 đồng bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả nên bị cáo phải bồi thường tiếp là 17.920.000 đồng.

Kể từ ngày bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bị cáo N chậm bồi thường số tiền nêu trên, thì hàng tháng bị cáo N còn phải chịu thêm lãi suất chậm thanh toán đối với số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo N 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu hột gà, không có gắn sim. Tịch thu tiêu hủy: 01 quần dài nữ loại Jean màu xanh; 01 áo thun nữ cụt tay màu trắng hai bên có dây kéo; 01 áo thun nữ có bâu cụt tay, nền áo màu vàng có sọc màu đen; 01 áo sơ mi màu xám dài tay, có sọc trắng; 01 cái quần lót màu xanh nhạt, tím; 01 cái áo ngực màu trắng.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Vật chứng của vụ án hiện nay do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời đang tạm giữ, theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05 tháng 8 năm 2020.

5. Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong vụ án hình sự bị cáo N được miễn nộp toàn bộ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

6. Án xử sơ thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Công an huyện Trần Văn Thời;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo